TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5-2022
V/v "Ly hôn
và tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Bùi Phương Châu**

2. Bà **Âu Thị Kiều Sương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Ngọc Phấn** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc: "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXX - ST ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ T,** sinh năm 1994;

Trú tại: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Ông **Nguyễn Nhựt C**, sinh năm 1992
Trú tại: Số B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/01/2021, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Bà T và ông C đám cưới trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào năm 2017. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân

do mâu thuẫn bất đồng về quan điểm, tính cách, thường hay cãi nhau, ông C thường hay nhậu say về chửi vợ con, đuổi bà T đi. Gia đình đã tìm nhiều biện pháp hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà T và ông C đã sống ly thân từ đầu tháng 12/2021 cho đến nay. Do không còn tình cảm nên nay bà T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Nhựt C. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Con chung: Bà T và ông C có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhựt Đăng N, sinh ngày 22/01/2020, hiện đang sống với mẹ, bà T yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong biên bản làm việc, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Nguyễn Nhựt C trình bày:

Về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn như bà T trình bày là đúng. Do tính chất công việc của ông C là làm hồ, nên thường có uống rượu dẫn tới vợ chồng thường cãi nhau, ông C cũng thừa nhận việc có nhậu say về cự cãi và đuổi bà T đi. Bà T có đi về nhà mẹ ruột một hai lần nhưng ông C cùng với mẹ của ông C cũng đã có đến để rước về. Lần gần nhất vào khoảng tháng 12/2021, bà T tự ý bỏ nhà đi về nhà mẹ ruột sống cho đến nay. Do còn thương vợ thương con nên ông C không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu cầu ly hôn của bà T thì ông C không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

Con chung: Ông C và bà T có 01 con chung là Nguyễn Nhựt Đăng N, sinh ngày 22/01/2020, đang sống với bà T, nếu Tòa án cho ly hôn thì ông C yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Các bên đương sự tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Do mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà T và ông C đã đến mức trầm trọng, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông C. Về con chung: bà T được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Nhựt Đăng N, sinh ngày 22/01/2020, buộc ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Nguyên tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Nguyễn Nhựt C có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông C kết hôn trên cơ sở tự nguyên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2017 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hiểu nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bản thân ông C cũng thừa nhận các mâu thuẫn như bà T trình bày là đúng. Mặc dù ông C cho rằng còn thương vợ, thương con, không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, từ thời điểm Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông C, Tòa án đã nhiều lần tổ chức việc hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, ông C cũng không có biện pháp gì thể hiện việc hàn gắn tình cảm, bà T vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông C. Tại biên bản làm việc ngày 28/3/2022 (BL41) của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành với bà Lê Thị M (là mẹ ruột của ông C) thể hiện từ khoảng tháng 12/2021, bà T tự ý về nhà mẹ ruột sinh sống đến nay, mặc dù ông C nhiều lần đến rước về nhưng bà T không đồng ý. Điều đó đã chứng tỏ việc hàn gắn giữa bà T và ông C không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà T và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông C là phù hợp quy định pháp luật. Bà T và ông C không yêu cầu cấp dưỡng vợ và chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông C có 01 con chung tên: Nguyễn Nhựt Đăng N, sinh ngày 22/01/2020, hiện đang sống với bà T. Các bên đương sự đều có yêu cầu nuôi con nếu Tòa án cho ly hôn. Xét việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Để chứng minh điều kiện nuôi con của mình, bà T đã giao nộp giấy xác nhận có công việc và thu nhập ổn định (BL27). Tại phiên tòa, ông C cung cấp giấy xác nhận thu nhập viết tay ngày 18/5/2022 có chữ ký Lê Chí P nhưng không có công chứng

chứng thực theo quy định. Vào thời điểm hiện tại, cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi. Để đảm bảo việc phát triểu ổn định về vật chất và tinh thần cũng như điều kiện chăm sóc cho cháu N nên giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Tại phiên tòa, bà T đồng ý chỉ yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng. Theo lời trình bày của ông C thì ông C có nghề nghiệp làm thợ hồ, thu nhập trung bình 300.000 đồng/ngày. Tại phiên tòa, ông C trình bày nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn và giao con chung cho bà T nuôi dưỡng thì ông C đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xem xét việc ông C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp; thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến

[5] Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu là 300.000 đồng.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà T tự nguyện chịu là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Mỹ T đối với ông Nguyễn Nhựt C. Bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Nhựt C. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Nhựt C chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Nguyễn Nhựt C không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ T được nuôi con chung là Nguyễn Nhựt Đăng N, sinh ngày 22/01/2020. Ông Nguyễn Nhựt C cấp dưỡng cấp dưỡng cho bà Nguyễn Thị Mỹ T nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng; thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Nhựt Đăng N tròn 18 tuổi.

Ông Nguyễn Nhựt C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên hoặc cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự khai không có nên không xét đến.

4. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng; Án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Mỹ T tự nguyện chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006275 ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Hiền